



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

đăng ký Doanh nghiệp số

0200167782

ngày 30 tháng 12 năm 2004

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 1 tháng 8 năm 2024. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Quốc Dũng
Ông Noboru Kobayashi
Ông Chu Văn Phương
Ông Trần Ngọc Bảo
Ông Bùi Đức Long
Ông Đào Anh Thắng

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Chu Văn Phương
Ông Trần Nhật Ninh
Bà Ngô Thị Thu Thủy
Ông Nguyễn Văn Thức
Ông Trần Ngọc Bảo

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật
Phó Tổng Giám đốc Sản xuất
Phó Tổng Giám đốc Nội chính
Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Ủy ban Kiểm toán

Ông Đào Anh Thắng
Ông Bùi Đức Long

Chủ tịch
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 2 An Đà
Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, **25-03-2025**





KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong ("Công ty") và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 47.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-02-00231-25-2



Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 3065-2024-007-1



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.472.882.423.054	3.501.190.530.399
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	532.864.832.803	485.324.285.487
Tiền	111		291.883.664.188	474.782.229.711
Các khoản tương đương tiền	112		240.981.168.615	10.542.055.776
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.492.000.000.000	950.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	2.492.000.000.000	950.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		428.249.651.492	889.524.952.669
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	388.318.659.135	869.315.928.192
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	66.751.850.700	48.015.836.819
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	28.721.429.057	27.162.774.191
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(55.542.287.400)	(54.969.586.533)
Hàng tồn kho	140	10	1.005.126.876.948	1.158.634.823.678
Hàng tồn kho	141		1.005.160.488.222	1.158.634.823.678
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(33.611.274)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		14.641.061.811	17.706.468.565
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.467.355.826	16.898.722.913
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.757.070.115	363.978.613
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	416.635.870	443.767.039

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.941.989.104.469	1.952.508.608.465
Tài sản cố định	220		1.265.480.616.982	1.328.548.642.812
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.258.375.266.982	1.321.443.292.812
Nguyên giá	222		3.186.287.977.774	3.116.054.800.291
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.927.912.710.792)	(1.794.611.507.479)
Tài sản cố định vô hình	227	12	7.105.350.000	7.105.350.000
Nguyên giá	228		16.966.399.107	16.966.399.107
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.861.049.107)	(9.861.049.107)
Tài sản dở dang dài hạn	240		11.118.996.692	47.357.468.650
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	11.118.996.692	47.357.468.650
Đầu tư tài chính dài hạn	250		520.028.184.664	442.338.913.287
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	360.002.996.064	337.713.724.687
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(c)	101.360.188.600	95.960.188.600
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(c)	(1.335.000.000)	(1.335.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	60.000.000.000	10.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		145.361.306.131	134.263.583.716
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	144.555.266.991	133.239.678.683
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	806.039.140	1.023.905.033
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.414.871.527.523	5.453.699.138.864

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		2.748.497.317.518	2.338.199.851.626
Nợ ngắn hạn	310		2.748.497.317.518	2.338.199.851.626
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	313.880.517.607	313.255.093.379
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	668.967.092.614	10.500.805.769
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	71.943.353.295	59.998.511.380
Phải trả người lao động	314		54.748.719.227	60.930.665.983
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	121.204.259.409	147.447.718.074
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	29.134.580.844	23.850.827.773
Vay ngắn hạn	320	21	1.481.765.662.365	1.702.740.302.881
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	6.853.132.157	19.475.926.387
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		3.666.374.210.005	3.115.499.287.238
Vốn chủ sở hữu	410	23	3.666.374.210.005	3.115.499.287.238
Vốn cổ phần	411	24	1.425.322.840.000	1.295.753.340.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.425.322.840.000	1.295.753.340.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	1.217.621.008.916	1.174.251.384.986
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.023.430.361.089	645.494.562.252
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		287.770.849.552	280.442.842.735
- LNST năm nay	421b		735.659.511.537	365.051.719.517
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.414.871.527.523	5.453.699.138.864

Người lập:



Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

25-03-2025

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng	01	28	5.828.549.177.536	5.304.817.250.684
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	171.985.363.041	128.954.581.097
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	28	5.656.563.814.495	5.175.862.669.587
Giá vốn hàng bán	11	29	3.886.614.549.588	3.619.645.131.711
Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11)	20		1.769.949.264.907	1.556.217.537.876
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	91.589.707.089	65.716.937.083
Chi phí tài chính	22	31	139.218.133.590	159.186.702.558
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		48.945.955.598	90.107.847.382
Phần lãi trong công ty liên kết	24	5(b)	22.789.046.377	14.883.353.367
Chi phí bán hàng	25	32	632.851.000.442	632.394.350.574
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	227.199.971.559	190.068.009.046
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		885.058.912.782	655.168.766.148
Thu nhập khác	31		9.160.434.942	5.564.988.483
Chi phí khác	32		5.769.282.925	1.451.283.306
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.391.152.017	4.113.705.177
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		888.450.064.799	659.282.471.325
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	152.572.687.369	99.630.025.347
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35	217.865.893	237.725.461
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		735.659.511.537	559.414.720.517

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		735.659.511.537	559.414.720.517
Lãi trên cổ phiếu				Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	4.661	3.537

Người lập:

Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chínhChâu Văn Phương
Tổng Giám đốc**25-03-2025***Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	888.450.064.799	659.282.471.325
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	152.906.892.624	158.967.923.146
Các khoản dự phòng	03	606.312.141	(10.830.328.344)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(93.225.592)	164.314.320
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(114.991.321.047)	(78.305.252.963)
Chi phí lãi vay	06	48.945.955.598	90.107.847.382
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	975.824.678.523	819.386.974.866
Biến động các khoản phải thu	09	495.577.036.719	74.536.577.741
Biến động hàng tồn kho	10	153.474.335.456	380.226.749.897
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	622.826.050.394	31.184.726.561
Biến động chi phí trả trước	12	(10.547.783.493)	2.066.815.212
		2.237.154.317.599	1.307.401.844.277
Tiền lãi vay đã trả	14	(50.542.028.828)	(91.096.728.796)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(134.752.586.784)	(81.623.702.942)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(67.832.049.000)	(1.864.854.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.984.027.652.987	1.132.816.558.539
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(76.267.754.519)	(87.093.328.723)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	996.181.819	537.181.818
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn trên 3 tháng và đầu tư trái phiếu	23	(3.092.000.000.000)	(1.410.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn trên 3 tháng	24	1.500.000.000.000	882.857.808.219
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.400.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	86.708.070.413	56.354.635.221
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.585.963.502.287)	(557.343.703.465)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	3.667.473.186.002	3.495.320.036.145
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.888.447.826.518)	(3.494.199.870.329)
Tiền trả cổ tức	36	(129.575.334.000)	(259.150.668.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(350.549.974.516)	(258.030.502.184)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	47.514.176.184	317.442.352.890
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	485.324.285.487	167.926.602.716
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	26.371.132	(44.670.119)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	532.864.832.803	485.324.285.487

Người lập:


Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính


Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc



25-03-2025

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hoá theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hoá Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2004.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0200167782 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 12 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 1 tháng 8 năm 2024.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Công ty và các công ty con và các lợi ích của Công ty trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động được cấp phép của Công ty và các công ty con là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải;
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất; và
- Giáo dục và đào tạo các cấp, đào tạo nghề, dạy ngoại ngữ, kỹ năng sống, năng khiếu và các dịch vụ dạy kèm khác.

Trong năm, các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty có 2 công ty con như sau:

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	31/12/2024		1/1/2024	
				Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty con							
1	Công ty TNHH Nhựa Thiều niên Tiên Phong Miền Trung	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp	Lô C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Bất động sản Tiên Phong (i)	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất và kinh doanh vận tải, các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp	Số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	100%	100%	100%	100%

(i) Công ty TNHH Bất động sản Tiên Phong (“Bất động sản Tiên Phong”) được thành lập vào ngày 18 tháng 5 năm 2015. Theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp, Công ty sẽ phải góp 20.000 triệu VND vốn điều lệ vào Bất động sản Tiên Phong. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ Công ty đã thực góp là 11.100 triệu VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty có 3 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty và các công ty con có 1.360 nhân viên (1/1/2024: 1.372 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của những công ty này. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của Công ty trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty tại công ty liên kết.

(iv) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu dài hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 12 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất lâu dài không được khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 38 tháng.

(iii) Bản quyền công nghệ

Bản quyền công nghệ bao gồm các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa bản quyền công nghệ vào sử dụng. Bản quyền công nghệ được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 27 đến 44 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty và các công ty con, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty. Toàn bộ các hợp đồng thuê của Công ty và các công ty con là thuê hoạt động.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải. Bộ phận chia theo vùng địa lý của Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	237.516.360	337.355.211
Tiền gửi ngân hàng	291.646.147.828	451.444.874.500
Tiền đang chuyển	-	23.000.000.000
Các khoản tương đương tiền	240.981.168.615	10.542.055.776
	532.864.832.803	485.324.285.487

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số lượng	Giá gốc VND	Số lượng	Giá gốc VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)		2.492.000.000.000		950.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (ii)		50.000.000.000 (*)		-
▪ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (iii)	100.000	10.000.000.000 (*)	100.000	10.000.000.000 (*)
		60.000.000.000		10.000.000.000

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại các ngân hàng trong nước, hưởng lãi suất năm từ 4,4% đến 9% (1/1/2024: từ 5,2% đến 7,5%). Giá gốc của các khoản tiền gửi này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại ngân hàng trong nước, hưởng lãi suất năm 6,4%.

(iii) Trái phiếu này hưởng lãi suất năm là lãi suất tham chiếu + 1,3%, đáo hạn vào ngày 20 tháng 7 năm 2033. Tiền lãi trái phiếu được trả định kỳ một năm một lần vào ngày 20 tháng 7.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

	Địa chỉ	Tỷ lệ % sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2024		1/1/2024	
			Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam (i)	Bình Dương	27,39%	13.440.438	347.702.264.522	(*)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong (ii)	Hải Phòng	49,98%	499.775	12.300.731.542	(*)	(*)
▪ Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP (iii)	CHDCND Lào	51,00%	-	-	(*)	(*)
				360.002.996.064		337.713.724.687

(i) Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam được thành lập ngày 24 tháng 9 năm 2007 và có trụ sở tại Lô C2, KCN Đồng An II, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.

Tại cuộc họp ngày 3 tháng 5 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức của năm 2023 bằng cách phát hành 4.460.552 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10% vốn điều lệ, tương đương 44.605 triệu VND. Công ty được nhận 1.221.858 cổ phiếu, tương đương 12.218 triệu VND.

(ii) Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong được thành lập ngày 1 tháng 7 năm 2004 và có trụ sở tại Số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất bao bì nhựa PP, bao bì xi măng, các loại giấy, màng ghép phức hợp và các sản phẩm nhựa khác.

(iii) Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP (“Công ty NTP-SMP”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài số 222/BKH-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 3 năm 2009 và Giấy chứng nhận Đầu tư số 032/IB.VC do Cục Đầu tư trong nước và nước ngoài Viêng Chăn cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008 giữa Công ty Xuất nhập khẩu Thương mại SMP và Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong.

Công ty NTP-SMP đã ngừng hoạt động trong nhiều năm và điều này ảnh hưởng đến khả năng chuyển vốn từ NTP-SMP về Công ty. Do đó, mặc dù sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty NTP-SMP, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty không có quyền kiểm soát tại Công ty NTP-SMP và phần ánh khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết và thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo nguyên tắc thận trọng, Công ty đã ghi giảm giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào Công ty NTP-SMP tới bằng không trên báo cáo tài chính hợp nhất từ những năm trước.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động các khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	337.713.724.687	329.539.391.320
Phần lãi trong công ty liên kết	22.789.046.377	14.883.353.367
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	21.834.421.526	14.029.678.187
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	954.624.851	853.675.180
Cổ tức được chia	(499.775.000)	(6.709.020.000)
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	-	(6.109.290.000)
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	(499.775.000)	(599.730.000)
Số dư cuối năm	360.002.996.064	337.713.724.687

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị khác	31/12/2024			1/1/2024		
	Số lượng	Tỷ lệ % sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định	4.632.086	13,50%	46.784.068.600	-	(*)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một (i)	1.980.000	1,80%	46.800.000.000	-	-	72.990.000.000
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong	396.000	17,39%	5.148.000.000	-	(*)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tỉnh Hà Giang	56.406	4,80%	1.128.120.000	-	(*)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Golden Bridge Việt Nam	150.000	1,11%	1.500.000.000 (1.335.000.000)	(1.335.000.000)	(*)	(*)
			101.360.188.600 (1.335.000.000)		95.960.188.600 (1.335.000.000)	

(i) Ngày 14 tháng 12 năm 2023, Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một thực hiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua với tỉ lệ 10:1, giá chào bán là 30.000 đồng/cổ phiếu. Ngày 9 tháng 1 năm 2024, Công ty thực hiện quyền mua thêm 180.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này theo giá niêm yết trên thị trường.

(*) Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết (i)	227.636.669.133	378.964.594.771
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty (iii)	45.070.844.867	51.471.124.885
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (ii)	7.111.109.982	7.637.597.893
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết (iii)	12.204.000	11.286.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (iii)	20.012.400	24.192.000
Bên khác		
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hồng Phước	57.549.413.148	282.840.028.671
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	22.563.585.360	-
Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa	13.238.521.980	13.851.981.980
Công ty Cổ phần Thương mại - Sản xuất Tiền Phong Nam Miền Trung	8.272.496.736	-
Iplex Pipelines NZ Ltd	1.922.933.586	8.403.595.985
Công ty TNHH Thương mại Thái Hòa	-	55.724.576.364
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh Nam Phương	-	62.148.467.743
Công ty TNHH Tam Phước	-	3.144.294.845
Các khách hàng khác	4.920.867.943	5.094.187.055
	388.318.659.135	869.315.928.192

- (i) Khoản phải thu này không tính lãi và được đảm bảo bằng 9.453.971 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (mã chứng khoán: NTP), thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam.
- (ii) Khoản phải thu thương mại đối với Công ty TNHH Sekisui Việt Nam không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.
- (iii) Các khoản phải thu này không được đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	-	1.777.618.002
Bên khác		
Công ty TNHH Eplas	45.211.510.015	26.376.348.099
Công ty TNHH Công nghệ xanh Hoa Sen	4.954.444.000	3.819.425.500
Công ty TNHH Truyền thông Quảng cáo Minh Khang	1.675.601.286	120.980.258
Công ty TNHH Công nghệ và Thiết bị PNT	797.208.539	4.636.750.454
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Hòa	-	1.618.499.179
Công ty TNHH Công nghệ Hoá nhựa Bông Sen	-	305.376.045
Các nhà cung cấp khác	14.113.086.860	9.360.839.282
	66.751.850.700	48.015.836.819

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu tiền lãi	23.445.929.210	19.952.058.638
Tạm ứng	1.145.407.894	3.647.722.155
Đặt cọc	550.000.000	2.142.000.000
Phải thu khác	3.580.091.953	1.420.993.398
	28.721.429.057	27.162.774.191

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2024			1/1/2024				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Đại Phát Công ty TNHH Vĩ Nam Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	Trên 3 năm	583.902.600	(583.902.600)	-	Trên 3 năm	583.902.600	(583.902.600)	-
	Trên 3 năm	501.480.953	(501.480.953)	-	Trên 3 năm	501.480.953	(501.480.953)	-
	Trên 3 năm	1.060.039.175	(1.060.039.175)	-	Trên 3 năm	1.060.039.175	(1.060.039.175)	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty	Trên 3 năm	45.070.844.867	(45.070.844.867)	-	Trên 3 năm	51.471.124.885	(51.471.124.885)	-
	Trên 1 năm đến dưới 2 năm	3.751.674.814	(1.885.837.407)	1.865.837.407	Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	3.831.674.814	(1.149.502.444)	2.682.172.370
	Trên 1 năm đến dưới 2 năm	13.238.521.980	(6.235.382.970)	7.003.139.010		-	-	-
	Trên 6 tháng đến dưới 1 năm và trên 3 năm	207.746.316	(204.799.428)	2.946.888	Trên 3 năm	203.536.476	(203.536.476)	-
64.414.210.705				(55.542.287.400)	8.871.923.305			
57.651.758.903				(54.969.586.533)	2.682.172.370			
Trong đó:								
						(54.969.586.533)		
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn								

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Hàng tồn kho**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	215.937.111.594	-	164.691.436.398	-
Nguyên vật liệu	472.594.434.817	-	673.841.648.470	-
Công cụ và dụng cụ	14.950.126.888	-	14.175.741.452	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.835.442.118	-	38.537.472.505	-
Thành phẩm	271.843.372.805	(33.611.274)	267.388.524.853	-
	1.005.160.488.222	(33.611.274)	1.158.634.823.678	-

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.710.993.598.510	1.179.408.500.239	207.973.365.783	17.679.335.759	3.116.054.800.291
Tăng trong năm	-	6.362.801.112	-	-	6.362.801.112
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	20.807.084.456	53.298.761.530	6.461.636.363	-	80.567.482.349
Thanh lý	-	(12.248.116.978)	(4.137.912.000)	(311.077.000)	(16.697.105.978)
Số dư cuối năm	1.731.800.682.966	1.226.821.945.903	210.297.090.146	17.368.258.759	3.186.287.977.774
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	769.699.229.363	868.858.837.891	138.728.510.843	17.324.929.382	1.794.611.507.479
Khấu hao trong năm	79.201.264.223	58.140.379.751	11.667.327.093	234.359.285	149.243.330.352
Thanh lý	-	(11.750.500.047)	(3.880.549.992)	(311.077.000)	(15.942.127.039)
Số dư cuối năm	848.900.493.586	915.248.717.595	146.515.287.944	17.248.211.667	1.927.912.710.792
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	941.294.369.147	310.549.662.348	69.244.854.940	354.406.377	1.321.443.292.812
Số dư cuối năm	882.900.189.380	311.573.228.308	63.781.802.202	120.047.092	1.258.375.266.982

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có tài sản có nguyên giá 856.779 triệu VND (1/1/2024: 753.218 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Bản quyền công nghệ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm và cuối năm	7.105.350.000	153.400.000	2.501.022.223	7.206.626.884	16.966.399.107
Gia trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm và cuối năm	-	153.400.000	2.501.022.223	7.206.626.884	9.861.049.107
Gia trị còn lại					
Số dư đầu năm và cuối năm	7.105.350.000	-	-	-	7.105.350.000

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 có các tài sản cố nguyên giá 9.861 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	47.357.468.650	8.679.749.912
Tăng trong năm	44.329.010.391	109.932.628.786
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(80.567.482.349)	(71.254.910.048)
Số dư cuối năm	11.118.996.692	47.357.468.650
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:		
	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Nhà máy sản xuất tại cơ sở mới Dương Kinh	8.958.047.418	20.786.441.366
Máy móc, thiết bị	2.160.949.274	26.571.027.284
	11.118.996.692	47.357.468.650

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	103.912.090.025	2.905.391.476	26.422.197.182	133.239.678.683
Tăng trong năm	-	4.843.552.592	31.356.792.998	36.200.345.590
Phân bổ trong năm	(3.663.562.272)	(3.675.914.434)	(17.545.280.576)	(24.884.757.282)
Số dư cuối năm	100.248.527.753	4.073.029.634	40.233.709.604	144.555.266.991

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Lợi nhuận chưa thực hiện trong tài sản cố định hữu hình	20%	806.039.140	1.023.905.033

16. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	64.345.557	40.850.728.922
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết	50.599.782.132	129.496.232.050
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết	4.722.479.155	2.459.194.813
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	2.133.076.000	-
Bên khác		
Borouge Pte Ltd.	62.859.292.650	43.282.809.750
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	58.693.010.632	13.394.965.034
Solmer Future Ltd	23.238.123.480	25.336.052.500
Vinmar International LLC	17.771.231.520	-
Tricon Dry Chemicals LLC	9.050.164.200	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vang Bình Minh	11.358.160.000	-
Itochu Plastics Pte., Ltd	-	9.495.688.605
Tricon Energy Ltd	-	9.294.201.000
Hyosung Chemical Corporation	-	7.324.569.000
Các nhà cung cấp khác	73.390.852.281	32.320.651.705
	313.880.517.607	313.255.093.379

Khoản phải trả đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 30 – 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024, Công ty và các công ty con không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Tam Phước	285.025.337.411	2.832.882.964
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh Nam Phương	226.095.918.081	-
Công ty TNHH Thương mại Thái Hòa	114.869.496.757	-
Công ty TNHH Thương mại Hà Dung	41.026.151.952	7.195.793.254
Công ty TNHH Thương mại Nam Phương	37.990.624	472.129.551
Các khách hàng khác	1.912.197.789	-
	668.967.092.614	10.500.805.769

18. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ bù trừ trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	10.386.826.396	510.857.916.580	(514.931.680.488)	6.313.062.488
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	142.546.045.384	(142.546.045.384)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.613.309.356	152.572.687.369	(134.752.586.784)	47.433.409.941
Thuế thu nhập cá nhân	19.642.939.452	27.858.000.777	(29.659.495.539)	17.841.444.690
Tiền thuê đất	-	7.523.900.500	(7.523.900.500)	-
Thuế nhập khẩu	355.436.176	17.741.322.792	(17.741.322.792)	355.436.176
Các loại thuế khác	(443.767.039)	2.872.892.296	(2.845.761.127)	(416.635.870)
	59.554.744.341	861.972.765.698	(850.000.792.614)	71.526.717.425

Trong đó:

Thuế phải thu Nhà nước	443.767.039	416.635.870
Thuế phải nộp Nhà nước	59.998.511.380	71.943.353.295

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Lãi vay phải trả	2.457.616.651	4.053.689.881
Chiết khấu, bồi khấu phải trả nhà phân phối và đơn vị bán hàng	76.668.192.175	111.972.902.104
Chi phí vận chuyển	9.334.805.502	11.133.536.475
Chi phí thuê đất	18.952.898.621	15.782.944.497
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	6.918.223.882	1.784.260.395
Chi phí phải trả khác	6.872.522.578	2.720.384.722
	121.204.259.409	147.447.718.074

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải trả Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu		
Tổng hợp liên quan đến nguyên vật liệu đi vay	5.002.000.000	5.002.000.000
Nhận đặt cọc ngắn hạn	10.803.693.782	8.335.068.642
Phải trả Công đoàn	8.291.054.191	9.232.876.501
Các khoản phải trả khác	5.037.832.871	1.280.882.630
	29.134.580.844	23.850.827.773

21. Vay ngắn hạn

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2024 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	1.702.740.302.881	3.667.473.186.002	(3.888.447.826.518)	1.481.765.662.365

Vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, không có tài sản đảm bảo, chịu lãi suất năm từ 3,8% đến 4,8% (1/1/2024: từ 2,9% đến 5,7%).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	19.475.926.387	5.758.670.282
Trích lập trong năm (Thuyết minh 23)	55.209.254.770	15.582.110.105
Chuyển sang Quỹ Công đoàn	(65.000.000.000)	-
Sử dụng trong năm	(2.832.049.000)	(1.864.854.000)
Số dư cuối năm	6.853.132.157	19.475.926.387

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1/1/2023	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Lợi nhuận thuần trong năm	1.295.753.340.000	1.023.163.062.043	511.900.942.783	2.830.817.344.826
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	559.414.720.517	559.414.720.517
Cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 (Thuyết minh 25)	-	151.088.322.943	(151.088.322.943)	-
Tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2023	-	-	(64.787.667.000)	(64.787.667.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 (Thuyết minh 22)	-	-	(194.363.001.000)	(194.363.001.000)
	-	-	(15.582.110.105)	(15.582.110.105)
Số dư tại ngày 1/1/2024	1.295.753.340.000	1.174.251.384.986	645.494.562.252	3.115.499.287.238
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	735.659.511.537	735.659.511.537
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	43.369.623.930	(43.369.623.930)	-
Cổ tức bằng cổ phiếu phát hành cho các cổ đông hiện hữu (Thuyết minh 25)	129.569.500.000	-	(129.569.500.000)	-
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 25)	-	-	(129.575.334.000)	(129.575.334.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2023 (Thuyết minh 22)	-	-	(55.209.254.770)	(55.209.254.770)
Số dư tại ngày 31/12/2024	1.425.322.840.000	1.217.621.008.916	1.023.430.361.089	3.666.374.210.005

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	142.532.284	1.425.322.840.000	129.575.334	1.295.753.340.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	142.532.284	1.425.322.840.000	129.575.334	1.295.753.340.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	142.532.284	1.425.322.840.000	129.575.334	1.295.753.340.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2024		2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	129.575.334	1.295.753.340.000	129.575.334	1.295.753.340.000
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức (Thuyết minh 25)	12.956.950	129.569.500.000	-	-
Số dư cuối năm	142.532.284	1.425.322.840.000	129.575.334	1.295.753.340.000

25. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 27 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định i) phân phối khoản cổ tức của năm 2023 bằng tiền trị giá 129.575 triệu VND (1.000 VND trên một cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ) (2023: phân phối khoản cổ tức còn lại của năm 2022 bằng tiền trị giá 64.788 triệu VND (500 VND trên một cổ phiếu, tương đương 5% vốn điều lệ)); và ii) trả cổ tức cho năm 2023 bằng cách phát hành 12.956.950 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10% vốn điều lệ, tương đương 129.570 triệu VND.

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê đất

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê đất không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	10.861.998.125	10.861.998.125
Từ hai đến năm năm	44.201.976.835	44.201.976.835
Trên năm năm	221.628.646.340	232.490.644.466
	276.692.621.300	287.554.619.426

(b) Ngoại tệ

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	229.714	5.800.245.928	604.413	14.508.927.104

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan	Nợ không thu hồi được	2022	16.499.693.934	16.499.693.934

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	122.763.480.049	74.876.264.537

28. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2024	2023
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán sản phẩm	5.542.221.510.296	5.084.238.077.955
▪ Doanh thu khác	286.327.667.240	220.579.172.729
	5.828.549.177.536	5.304.817.250.684
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu, bồi khấu	(161.918.750.323)	(119.225.256.718)
▪ Hàng bán bị trả lại	(10.066.612.718)	(8.789.733.257)
▪ Giảm giá hàng bán	-	(939.591.122)
	(171.985.363.041)	(128.954.581.097)
Doanh thu thuần	5.656.563.814.495	5.175.862.669.587

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

29. Giá vốn hàng bán

	2024 VND	2023 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Sản phẩm đã bán	3.646.334.841.466	3.401.917.587.044
▪ Giá vốn khác	240.246.096.848	221.439.680.708
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	33.611.274	(3.712.136.041)
	3.886.614.549.588	3.619.645.131.711

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi và lãi trái phiếu	83.101.666.517	55.831.912.906
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.887.541.104	2.817.372.105
Cổ tức được chia	6.600.499.468	7.067.652.072
	91.589.707.089	65.716.937.083

31. Chi phí tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay	48.945.955.598	90.107.847.382
Chiết khấu thanh toán	87.790.649.282	65.574.471.715
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.481.528.710	3.504.383.461
	139.218.133.590	159.186.702.558

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Chi phí bán hàng**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	58.379.735.343	53.233.664.878
Chiết khấu trả cho đơn vị bán hàng	289.411.657.743	323.537.152.838
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.309.340.565	22.742.725.165
Chi phí vận chuyển	104.387.841.549	113.798.110.017
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	71.057.292.116	37.151.183.830
Chi phí bán hàng khác	85.305.133.126	81.931.513.846
	632.851.000.442	632.394.350.574

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	112.398.195.795	96.653.018.745
Chi phí khấu hao và phân bổ	26.923.032.120	29.140.900.530
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	572.700.867	(7.118.192.303)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	87.306.042.777	71.392.282.074
	227.199.971.559	190.068.009.046

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	3.391.369.907.625	3.090.116.924.468
Chiết khấu trả cho đơn vị bán hàng	289.411.657.743	323.537.152.838
Chi phí nhân công và nhân viên	439.625.850.104	397.110.461.406
Chi phí khấu hao và phân bổ	152.906.892.624	158.967.923.146
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	572.700.867	(7.118.192.303)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	369.568.126.100	308.901.106.570
Chi phí khác	98.940.075.818	95.962.896.241

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	149.416.098.470	98.967.457.113
Dự phòng thiếu trong năm trước	3.156.588.899	662.568.234
	152.572.687.369	99.630.025.347
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Ảnh hưởng của lợi nhuận chưa thực hiện trong tài sản cố định hữu hình	217.865.893	237.725.461
	152.790.553.262	99.867.750.808

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024	2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	888.450.064.799	659.282.471.325
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	177.690.012.960	131.856.494.265
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho công ty con	(17.861.373.076)	(20.666.310.722)
Thu nhập không bị tính thuế	(5.877.909.169)	(4.390.201.088)
Ưu đãi thuế của công ty con	(8.930.686.538)	(10.333.155.361)
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.612.913.586	2.377.743.001
Dự phòng thiếu trong năm trước	3.156.588.899	662.568.234
Lỗi tính thuế chưa được ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.006.600	360.612.479
	152.790.553.262	99.867.750.808

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Thuế suất áp dụng**

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

- Công ty và Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong, một công ty con của Công ty, có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.
- Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung, một công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2013 đến năm 2027) và mức thuế suất phổ thông cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư cũng cho phép công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận tính thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2024	2023 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	735.659.511.537	559.414.720.517
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(71.250.380.959)	(55.209.254.770)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	664.409.130.578	504.205.465.747
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (số cổ phiếu) (Thuyết minh (36(b)))	142.532.284	142.532.284
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.661	3.537

- (*) Tại ngày báo cáo, Công ty ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 71.250 triệu VND.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm**

	2024	2023 Đã điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	129.575.334	129.575.334
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành cho các cổ đông hiện hữu để trả cổ tức (Thuyết minh 36(c))	12.956.950	12.956.950
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	142.532.284	142.532.284

(c) Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 55/QĐ-HĐQT về việc thông qua kết quả phát hành 12.956.950 cổ phiếu để trả cổ tức theo Nghị quyết số 34/NQ-ĐHĐCĐTN-2024 ngày 27 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông. Vì vậy, số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng bị thay đổi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được điều chỉnh lại như sau:

	2023 Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền Số cổ phiếu	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	129.575.334	3.891
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành cho các cổ đông hiện hữu để trả cổ tức	12.956.950	(354)
Số điều chỉnh lại	142.532.284	3.537

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm, Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Các công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam</i>		
Bán hàng hóa	151.207.783.470	152.920.310.840
Mua hàng hóa, dịch vụ	261.177.763.548	247.815.031.631
Hàng bán bị trả lại	407.815.350	144.835.822
Cổ tức được nhận	-	6.109.290.000
<i>Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong</i>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	37.642.674.097	30.472.910.567
Cổ tức được chia	499.775.000	599.730.000
Doanh thu bán hàng hóa	24.650.000	24.150.000
Công ty liên quan khác		
<i>Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty</i>		
Hàng bán trả lại	38.155.709	1.095.826.375
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt</i>		
Bán hàng hóa	36.519.680	80.050.690
Mua hàng hóa, dịch vụ	65.474.266.898	55.504.459.300
<i>Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt</i>		
Bán hàng hóa	22.301.455.066	33.145.113.839
Mua hàng hóa	64.242.966.721	210.107.914.380
Hàng bán trả lại	-	40.290.430

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt**

	2024 VND	2023 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao, thưởng và phúc lợi khác		
Ông Đặng Quốc Dũng – Chủ tịch	5.135.414.249	5.024.738.124
Ông Noboru Kobayashi – Phó chủ tịch	1.044.300.000	1.203.600.000
Ông Bùi Đức Long – Thành viên	378.150.000	50.000.000
Ông Nguyễn Việt Phương – Thành viên (đến ngày 28/4/2023)	-	362.750.000
Ông Đào Anh Thắng – Thành viên	2.143.435.500	995.580.000
Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị		
Lương, thù lao, thưởng và phúc lợi khác	4.858.125.303	4.763.745.916
Phó Tổng Giám đốc Tài chính kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị		
Lương, thù lao, thưởng và phúc lợi khác	3.867.192.682	3.736.305.864
Những người quản lý khác		
Lương, thưởng và phúc lợi khác (không bao gồm các khoản đã trình bày ở trên)	8.180.711.900	7.490.910.696

38. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Người lập:


Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính


Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

**25-03-2025**